TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, có mặt.

Cư trú tại: Tổ 11, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1979, có mặt.

Cư trú tại: Tổ 4, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N chung sống vợ chồng vào năm 2012, không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không hợp nhau, anh N thường xuyên đánh đập chị, nay chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: chị và anh Nai có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/5/2019. Nhưng giấy khai sinh của cháu N chỉ có tên chị, không có tên cha là anh N vì chị và anh N không đăng ký kết hôn. Con chung hiện nay sống chung với anh N từ tháng 4/2022 đến nay. Lúc đầu khi anh N bỏ đi từ tháng 01/2020 con chung sống cùng với chị, sau đó anh N bắt cháu N về sống chung với anh N từ tháng 4/2022 đến nay. Ngày 29/5/2022 chị có làm bản cam kết đồng ý giao cháu N cho anh N nuôi, do lúc đó anh N thường kiếm chuyện cự cãi với chị nên chị đồng ý viết cam kết giao con cho anh N nuôi, nhưng sau đó chị đến thăm con thì anh N không cho và cũng không cho chị rước cháu N về nhà chơi. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết;

Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 3 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Trần Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý;

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc anh và chị T có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/5/2019. Nhưng giấy khai sinh của cháu N chỉ có tên chị T, không có tên anh vì anh và chị T không đăng ký kết hôn. Con chung sống chung với anh từ năm 2021 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021, do chị T bỏ bê cháu N, không chăm sóc tốt nên anh đem cháu N về nhà nuôi, sau đó chị T có làm giấy cam kết giao cháu N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Do giấy khai sinh của cháu N không có tên anh là cha nên anh sợ chị T thưa anh là bắt cóc cháu N nên anh yêu cầu chị T phải làm giấy cam kết giao cháu N cho anh nuôi. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh vẫn cho chị T đến thăm cháu N, tết năm 2023 chị T vẫn chở cháu Ni về nhà chị T chơi. Nhưng từ khi anh biết chị T ở nhà người khác thì anh không cho chị T chở cháu N về nhà nữa, nhưng chị T đến thăm con anh vẫn cho thăm. Anh yêu cầu được nuôi cháu N vì cháu N đã sống cùng với anh từ năm 2021 đến nay, hơn nữa chị T trước khi chung sống với anh đã có 02 người con riêng, còn anh không có con, chỉ có mình cháu N. Điều kiện của chị T hiện nay không có nhà ở, đang ở nhờ nhà người em ruột, cha mẹ chị T đã mất hết, chị T cũng không ở cố định một chỗ, nay ở chỗ này mai ở chỗ kia. Chị T làm Công nhân ở xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, sáng 4 giờ 20 phút đi, tối 19 giờ 30 về, nếu có tăng ca thì 20 giờ 20 phút mới về tới nhà. Do đó chị T không có điều kiện để chăm sóc cho cháu N được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyễn quan điểm của mình, không có ý kiến gì khác;

- Bị đơn anh Trần Văn N vẫn giữ nguyễn quan điểm của mình, không có ý kiến gì khác;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh anh Trần Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/5/2019 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết;

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N chung sống vợ chồng từ năm 2012 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống giữa chị T và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N có một con chung là cháu: Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/5/2019. Chị T và anh N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nghề nghiệp của chị T hiện nay làm công nhân xí nghiệp giày tại Công ty TNHH Bourbon thuộc xã Chà Là huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, công việc của chị hàng ngày đi làm từ 4 giờ 30 sáng đến 19 giờ tối mới về nhà, hôm nào có tăng ca thì đến 20 giờ mới về nhà. Mặt khác, ngày 29/5/2022 chị có T có làm bản cam kết đồng ý giao cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và từ năm 2022 đến nay cháu N sống cùng với anh N. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường cho cháu N nên giao anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng anh N vẫn không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/5/2019. Ghi nhận anh Trần Văn N không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Trần Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Nguyễn Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004276 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Tám và anh Trần Văn N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(N^o).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Na